TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU S
TỈNH THANH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/ HNGĐ-ST
Ngày: 25- 02 -2021
V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc và ông Nguyễn Bá Long
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn***: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu S, tỉnh Thanh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 316/2020/HNGĐ - ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa:
- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Số nhà 311B, phố Bà Triệu, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.
Địa chỉ hiện nay: SN 52, phố Lê Lợi, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.
- **Bị đơn**: Anh Trần Văn C, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn Lộc Trạch, xã Đồng L, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày giữa chị và anh Trần Văn Cg đăng ký kết hôn ngày 21/12/2007 tại UBND xã Đồng L, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không có sự tin tưởng chị, anh C hay ghen tuông vô cớ và kiểm soát chị Th quá đáng, nên hay

xảy ra xung đột, cãi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020, chị T về nhà anh trai tại thị trấn Triệu S, huyện Triệu S để ở, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về phần con: Vợ chồng anh, chị không có con đẻ chung với nhau, nhưng có 01 con nuôi theo quy định của pháp luật là cháu Trần Thảo D sinh ngày 17/5/2016. Hiện tại cháu đang sống cùng anh C. Ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, do từ nhỏ sức khỏe cháu không được tốt, kén ăn và cháu là con gái nuôi nên chị muốn cháu được ở với mẹ để chị có điều kiện được chăm sóc chu đáo cho cháu D, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị đang làm việc tại công ty cổ phần xây dựng và Dịch vụ thương mại 368 chi nhánh thành phố Thanh H (trụ sở chính tại phường Quảng Châu, tp Sầm S, tỉnh Thanh H) thu nhập bình quân 1 tháng là 6.000.000đ/tháng và bán hàng online 1 tháng được thêm 3.000.000đ. Tổng cộng thu nhập bình quân là 9.000.000đ. Chị có trình độ đại học, là đảng viên đảng cộng sản Việt nam, nên hoàn toàn đủ khả năng để nuôi con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản và phần nợ: Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai chị T có yêu cầu giải quyết về phần tài sản và phần nợ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh chị đã thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ, anh chị đã thực hiện xong việc phân chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 26/11/2020 chị Thủy đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và phần nợ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn C trình bày việc đăng ký kết hôn như chị Ty trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận hạnh phúc. Mặc dù giữa hai không có con chung với nhau nhưng cũng không xảy ra bất cứ mâu thuẫn gì lớn. Cho đến ngày 19/9/2020 chị T bỗng dưng bỏ nhà ra đi khi anh không có nhà, khi đi chị T dẫn theo con gái nuôi cùng toàn bộ tiền vàng, quần áo tư trang. Anh C đi làm về không thấy vợ và con gái đâu nên rất lo lắng đi tìm kiếm, đến gia đình anh em bên vợ, đồng thời đến nhà bạn bè thân thiết để hỏi han thông tin nhưng mọi người đều trả lời không biết. Được khoảng vài ngày, sau khi biết tin anh C đang đi tìm, thì chị T về gặp bố anh C và nói rằng chị không thể sống chung cùng anh nữa, nay chị T đã về nhà anh trai (Nguyễn Hùng V và chị dâu Trịnh Thị T) tại Phố Giắt, huyện Triệu S để ở. Anh C đã trực tiếp đến nơi chị T ở để nói chuyện và khuyên nhủ chị quay về nhà, nhưng chị T nhất quyết không chịu đưa con về cùng anh. Nay anh C xét thấy chị T không còn tình yêu thương và trách nhiệm để cùng nhau tạo lập một mái ấm gia đình cùng anh. Mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về phần con: Anh C trình bày vợ chồng anh, chị sống chung với nhau 13 năm nhưng không có con đẻ chung, nguyên nhân là do anh bị tai nạn lao động dẫn đến không còn khả năng để có con được nữa. Vì vậy, năm 2016 vợ chồng anh chị đã bàn bạc thống nhất với nhau nhận nuôi con nuôi là cháu Trần Thảo D sinh ngày 17/5/2016 theo quy định của pháp luật, cháu D ở cùng anh từ khoảng tháng 10/2020 (sau một tháng kể từ khi vợ chồng ly thân) cho đến nay. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thảo D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, Anh C trình bày lý do anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con nuôi vì:

+ Về điều kiện kinh tế anh có thu nhập ổn định, hiện nay anh là chủ hộ kinh doanh cá thể, kinh doanh ngành nghề chế biến lâm sản, mộc dân dụng tại xã Đồng Lợi, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H, tạo việc làm cho người lao động, bản thân anh thu nhập ổn định từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ/ 1 tháng, có 02 mảnh đất là tài sản riêng (01 mảnh do bố mẹ đẻ cho riêng, 01 mảnh đất do vợ chồng thỏa thuận, anh đã trả tiền chênh lệch cho chị Thủy) và các tài sản giá trị khác...Anh xét thấy hoàn toàn có đủ điều kiện về kinh tế để trang trải cuộc sống sinh hoạt cho hai bố con và đảm bảo cho cháu D được chăm sóc nuôi dưỡng, học tập và phát triển trong môi trường và điều kiện tốt nhất.

+ Về điều kiện tinh thần: Bản thân anh là người có lối sống lành mạnh, tuân thủ các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước, đảm bảo đủ điều kiện cho cháu được sống trong môi trường tốt, văn minh, phát triển toàn diện. Ngoài ra, anh còn đảm bảo về mặt thời gian chăm sóc, yêu thương và giáo dục cháu D. Từ khi cháu D ở với anh đến nay, anh là người trực tiếp cho cháu ăn, đưa cháu đi học và đón cháu về. Khi đi học anh cho con ăn mặc sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, anh Cường cho rằng mặc dù bản thân là con trai, nhưng nếu yêu con thì sẽ làm tốt được mọi việc. Mặt khác, bố mẹ đẻ của anh đang còn khỏe mạnh có độ tuổi từ 60 đến 63, nên giúp đỡ anh được rất nhiều trong việc chăm sóc cháu D. Cháu D được chăm sóc tốt nên khỏe mạnh ít ốm đau, tham gia đầy đủ các buổi học. Cuối tuần anh cũng tạo điều kiện để chị T đón con, chiều chủ nhật anh đón con về để cho cháu đi học.

Mặt khác: Bản thân anh hiện nay có hoàn cảnh đặc biệt so với những người khác vì không còn khả năng sinh con, không có hy vọng về việc có con, mặc dù anh đã chữa chạy rất nhiều bệnh viện nhưng không có kết quả. Cháu D là nguồn động viên tinh thần rất lớn đối với anh khi vợ chồng tôi ly. Anh cho rằng chị T ly hôn với anh, nếu đi bước nữa thì vẫn có khả năng sinh con, làm mẹ bình thường, nên anh C tha thiết được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Tại văn bản ghi ý kiến anh C thống nhất về tài sản và phần nợ chung như chị T trình bày và bổ sung thêm phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thỏa thuận và phân chia xong phần tài sản và thực hiện xong phần nợ chung, nên ngày

26/11/2020 anh C đã rút một phần yêu cầu bổ sung và đồng ý với phần rút yêu cầu của chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và phần nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguuyễn Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Thủy ly hôn anh Trần Văn C; Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thảo D, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C; Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị Ty phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại cho chị T số tiền án phí yêu cầu chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2007 tại UBND xã Đồng Lợi, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển sổ số 01 trên cơ sở tự nguyện. Việc đăng ký kết hôn của anh chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh C chưa thực sự tin tưởng chị T nên hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ, chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020, chị T về nhà anh trai tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sđể ở, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị T và anh C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị T và anh C thì thấy: Vợ chồng anh, chị hiện đã ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[2]. Về con nuôi chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con nuôi chung với nhau tên cháu là Trần Thảo D sinh ngày 17/5/2016, cháu Dn ở cùng anh C từ tháng 10/2020 (sau một tháng kể từ khi vợ chồng ly thân) cho đến nay. Ly hôn, anh C, chị T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thảo D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Xét nguyện vọng được nuôi con nuôi chung thì thấy nguyện vọng của chị T và anh C đều chính đáng.

Anh C và chị T đều có công việc và thu nhập ổn định. Vì vụ án liên quan đến người chưa thành niên, nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã xác minh về hoàn cảnh gia đình và nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị T và anh C. Biên bản xác minh ngày 26/01/2021 tại UBND xã Đồng L và phòng Lao động thương binh và xã hội UBND huyện Triệu S xác nhận: Nguyên nhân phát sinh tranh chấp UBND xã Đồng L và phòng Lao động thương binh xã hội không biết được. Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đều là người có tư cách đạo đức và chấp hành tốt pháp luật, đi đầu trong các phong trào đóng góp của địa phương. Anh C hiện tại có xưởng gỗ, tạo việc làm cho người lao động, bố mẹ anh Ccòn khỏe, khoảng 60 đến 63 tuổi, hiện tại anh C đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu D cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt của cháu bé.

Trong vụ án này anh C có hiện đang có nhà ở ổn định, là chủ hộ kinh doanh cá thể, kinh doanh ngành nghề chế biến lâm sản, mộc dân dụng tại xã Đồng Lợi, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H, tạo việc làm cho người lao động, bản thân anh thu nhập ổn định từ 15.000.000đ đến 20. 000.000đ/ 1 tháng, có 02 mảnh đất là tài sản riêng và các tài sản có giá khác như xe ô tô, xưởng gỗ.... Bố mẹ đẻ của anh đang còn khỏe mạnh có độ tuổi từ 60 đến 63, nên giúp đỡ anh được nhiều trong việc chăm sóc cháu D. Từ khi chị T và anh C không sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2020, anh Cường là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D từ tháng 10 năm 2020. Qua xác minh tại địa phương và tại đơn đề nghị xác nhận tình trạng học tập của cháu Trần Thảo D của trường mầm non xã Đồng L, xác nhận anh C luôn là người trực tiếp đưa cháu Dđi học và đón cháu về nhà, cháu D được đưa đi học đều đặn, trước khi đi học đầu tóc gọn gàng, ăn mặc sạch sẽ, tham gia đầy đủ các buổi học, điều này cho thấy anh C chăm sóc cháu Thảo D rất chu đáo. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh C trình bày bản thân anh bị bệnh vô sinh, không có khả năng có con, mặc dù anh đã chữa chạy rất nhiều bệnh viện nhưng không có kết quả, nên việc giao cháu Duyên cho anh nuôi là nguồn động viên tinh thần rất lớn đối với anh.

Về phía chị Nguyễn Thị T, mặc dù có công việc và thu nhập cũng ổn định, nhưng công việc của chị có lúc phải di chuyển xa nhà, hiện tại chị không có nhà cửa ổn định, đang ở nhờ nhà anh trai (Nguyễn Hùng V và chị dâu Trịnh Thị Tt) tại Phố Giắt, huyện Triệu S, nên việc giao cháu D cho chị T chăm sóc sẽ rất vất vả cho chị T và chưa đảm bảo cuộc sống cho cháu D.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu D, cũng như không làm xáo trộn cuộc sống của bé nên giao cháu Thảo Dcho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D là phù hợp quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng. Anh C không yêu cầu nên không xét.

[3].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*[4]. Về án phí***:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật, trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị Thủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 78; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Giao cháu Trần Thảo D, sinh ngày 17/5/2016 cho anh Ctiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Dđủ 18 tuổi, chị Tkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh C và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, anh C không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu bé, thì chị T có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2018/0004209 ngày 12 tháng 10 năm 2020 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn. Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố cho chị T, anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu S*
- *Các đương sự*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã Đồng L
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Năm **Đỗ Thị Hằng** **Lê Thị Thủy**